

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 73 /QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ

Tên chương trình : Chương trình đào tạo luật

Trình độ đào tạo: Đại học hệ Chính quy

Ngành đào tạo: Luật; **Mã số :** 7380101

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ là đào tạo cử nhân Luật có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; có kiến thức và tư duy pháp luật nền tảng và có hệ thống; có kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn; có khả năng khởi nghiệp, khả năng thích ứng và chuyển đổi nghề nghiệp một cách linh hoạt trong nền kinh tế hội nhập và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo ngành Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ là:

- Trang bị cho người học những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; các kiến thức về quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất; có kiến thức và tin học và ngoại ngữ; có kiến thức về khởi nghiệp.

- Trang bị cho người học kiến thức pháp luật theo chiều rộng và chiều sâu; trang bị cho người học kiến thức thực tế vững chắc.

- Trang bị cho người học các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm để người học có thể giải quyết được các công việc liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

- Rèn luyện người có ý thức và trách nhiệm công dân, có khả năng tự học, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có ý thức tổ chức kỷ luật và có tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt.

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Luật sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc ở các cơ quan, tổ chức sau đây:

- Làm việc trong hầu hết các cơ quan nhà nước bao gồm: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, Phòng, Ban; Thanh tra, Công an, Kiểm lâm, Thuế, Hải quan, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và các cơ quan nhà nước khác.

- Làm việc tại các văn phòng luật, công ty luật, văn phòng công chứng, thửa phát lại, Trung tâm trọng tài; làm việc trong các tổ chức kinh tế ở các vị trí chuyên viên tư vấn pháp luật trong các lĩnh vực về thương mại, đầu tư; xuất nhập khẩu, lao động; tham gia đàm phán, soạn thảo, ký kết các hợp đồng cho doanh nghiệp; tham gia giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại cho doanh nghiệp; làm chuyên viên hành chính - nhân sự cho các doanh nghiệp.

- Làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã - hội nghề nghiệp như: tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Liên đoàn lao động, Hội luật gia, Liên minh hợp tác xã Việt Nam.

- Tham gia giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành luật, môn pháp luật đại cương và một số môn học khác (như môn giáo dục công dân) cho các cơ sở giáo dục; tham gia nghiên cứu pháp luật trong các cơ sở giáo dục, các viện nghiên cứu.

- Học lên các bậc học sau đại học như thạc sĩ, tiến sĩ; tham gia các lớp đào tạo nghề luật như thẩm phán, công chứng, luật sư, thửa phát lại...

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật phải đạt được các kiến thức sau đây:

PO1: Hiểu và bước đầu vận dụng được vào thực tiễn hệ thống những tri thức cơ bản về Khoa học chính trị, khoa học xã hội như: Logic học, Tâm lý học, Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phương pháp học Luật và nghề luật; Xã hội học pháp luật.

PO2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, bao gồm: kiến thức lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam trong các lĩnh vực như: Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật thương mại; Luật hành chính và tố tụng hành chính; Luật lao động; Luật đất đai; Luật hôn nhân và gia đình, Luật tài chính, Luật ngân hàng và các lĩnh vực pháp luật khác đủ để sinh viên có khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội; kiến thức về pháp luật quốc tế như luật Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Thương mại quốc tế.

PO3: Hiểu và vận dụng được những kiến thức về công nghệ thông tin và kiến thức ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công việc; có kiến thức về khởi nghiệp; kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

3.2. Về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật đạt được các kỹ năng sau đây:

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn

PO4: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật;

PO5: Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

PO6: Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật, soạn thư tư vấn, các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc chuyên môn;

3.2.2. Kỹ năng mềm

PO7: Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.

PO8: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp.

PO9: Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

PO10: Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

PO11: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ bậc 3/6 theo khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

PO12: Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc (đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT theo thông tư 39/2017/TT-BTTTT).

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO13: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

PO14: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

PO15: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

PO16: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

PO17: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa là: **135** tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng an ninh), được phân bổ như sau:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **28 TC** (22 TC bắt buộc và 06 TC tự chọn);
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **97 TC** (65 TC bắt buộc và 32 TC tự chọn);
 - Thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp hoặc học và thi các môn học thay thế thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **10 TC**.

5. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT quốc gia hoặc tương đương;
- Tuyển sinh trong phạm vi cả nước;

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo theo Quyết định số 573/DHNCT Quyết định ban hành quy định tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của DHNCT

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo qui chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nam Cần Thơ (Quyết định số: 573/DHNCT Quyết định ban hành quy định tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường DHNCT)

- Đạt chứng chỉ Anh văn trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và trình độ tin học (đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT theo thông tư 39/2017/TT-BTTTT)
- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục Thể chất; Kỹ năng mềm; Kỹ năng nghề nghiệp;

7. Kiểm tra, đánh giá

- Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm:

Điểm chuyên cần có trọng số 20%; Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm thi giữa kỳ có trọng số 30%; Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

- Đối với học phần có tiểu luận, thực hành, đồ án, thực tập:

Điểm đánh giá là trung bình cộng của các bài tập, bài thực hành, điểm các lần sửa và thông khóa luận. Học phần thực tập cơ sở được tính theo điểm chuyên cần 20%, đánh giá của cơ sở 50% và đánh giá của giáo viên hướng dẫn 30%.

Học phần thực tế trong thời gian ngắn được đánh giá thông qua báo cáo và được giảng viên hướng dẫn chấm, lấy trọng số 100%.

Không tổ chức thi lại đối với sinh bị đánh giá hỏng các học phần thực hành, thực tập, khóa luận, tiểu luận, thực tế. Sinh viên bị đánh giá hỏng (đối với học phần có tiểu luận, thực hành, thực tập, thực tế) phải đăng ký học lại học phần đó (hoặc học phần thay thế) với các lớp học phần được mở ra sau đó.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Ghi chú
				LT	TH	
		8.1. Kiến thức giáo dục đại cương	26	26		
		8.1.1. Học phần bắt buộc	22	22		
1.		Triết học Mác Lê Nin	2	2	0	
2.		Kinh tế chính trị	2	2	0	
3.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1	0	
4.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
5.		Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	
6.		Xã hội học pháp luật	3	3	0	
7.		Anh văn căn bản 1	3	3	0	
8.		Anh văn căn bản 2	3	3	0	
9.		Tin học căn bản	3	3	0	
10.		Giáo dục thể chất 1	1	0	1	(*)
11.		Giáo dục thể chất 2	1	0	1	*
12.		Giáo dục thể chất 3	1	0	1	*

			Tổng số	LT	TH	thực hiện
Học phần bắt buộc			10	10	0	
1	Triết học Mác Lê Nin		2	2	0	
2	Tin học căn bản		3	1	2	
3	Anh văn căn bản 1		3	3	0	
4	Lý luận về nhà nước và pháp luật 1		2	2	0	
5	*Giáo dục thể chất 1		1	0	1	
6	*Giáo dục quốc phòng - an ninh		8	5	3	
Học phần tự chọn (chọn 2 TC trong 4 TC)			2	2	0	
1	Kinh tế học		2	2	0	
2	Nghề luật và phương pháp học luật		2	2	0	
3	Tâm lý học đại cương		2	2	0	
Tổng (chưa bao gồm GDQPAN và GDTC)			12	10	2	

HỌC KỲ II

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
Học phần bắt buộc		15	15	0	
1	Kinh tế chính trị	2	2	0	
2	Anh văn căn bản 2	3	3	0	
3	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	3	3	0	
4	Xã hội học pháp luật	3	3	0	
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1	0	
6	Xây dựng văn bản pháp luật	3	3	0	
7	* Giáo dục thể chất 2	1	0	1	*

13.		Giáo dục Quốc phòng an ninh	8	5	3	(*)
8.1.2. Học phần tự chọn (Chọn 4 TC trong 12 TC)			4	4		
1		Kinh tế học	2	2	0	
2		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	
3		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	
4		Tâm lý học đại cương	2	2	0	
5		Logic học đại cương	2	2	0	
6		Nghề luật và phương pháp học luật	2	2	0	
8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.)			97	97		
8.2.1. Học phần bắt buộc			65	65		
1		Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1	2	2	0	
2		Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 2	3	3	0	
3		Luật hiến pháp	3	3	0	
4		Xây dựng văn bản pháp luật	3	3	0	
5		Luật hành chính	3	3	0	
6		Luật hình sự 1	3	3	0	
7		Luật hình sự 2	3	3	0	
8		Luật tố tụng hình sự	3	3	0	
9		Luật dân sự 1	3	3	0	
10		Luật dân sự 2	3	3	0	
11		Luật hôn nhân và gia đình	2	2	2	
12		Luật tố tụng dân sự	3	3	0	
13		Luật thương mại 1	3	3	0	
14		Luật thương mại 2	3	3	0	
15		Luật lao động	3	3	0	
16		Luật tài chính	3	3	0	

17		Luật đất đai	3	3	0	
18		Công pháp quốc tế	3	3	0	
19		Tư pháp quốc tế	3	3	0	
20		Luật môi trường	3	3	0	
21		Luật cạnh tranh	2	2	0	
22		Luật tố tụng hành chính	2	2	0	
23		Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
8.2.2. Học phần tự chọn (gồm các môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng)			32	32		
8.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 04 TC			4	4		
1		Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	2	0	
2		Luật học so sánh	2	2	0	
8.2.2.2 Kiến thức chuyên ngành (Chọn 20 TC trong 30 TC)			20	20		
1		Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0	
2		Công chứng và chứng thực	2	2	0	
3		Pháp luật Khiếu nại, Tố cáo	2	2	0	
4		Tội phạm học	2	2	0	
5		Tâm lý học tư pháp	2	2	0	
6		Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0	
7		Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	2	0	
8		Pháp luật an sinh xã hội	2	2	0	
9		Luật ngân hàng	2	2	0	
10		Luật chứng khoán	2	2	0	
11		Pháp luật về quyền con người	2	2	0	
12		Pháp luật về điều ước quốc tế	2	2	0	
13		Pháp luật về đấu thầu	2	2	0	
14		Luật kinh doanh bất động sản	2	2	0	

15		Tư pháp đối với người chưa thành niên	2	2	0	
8.2.3. Các học phần kỹ năng (chọn 8 tín chỉ trong 18 tín chỉ)			8	4	4	
1		Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	1	1	
2		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2	1	1	
3		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	2	1	1	
4		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	2	1	1	
5		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	1	1	
6		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	1	1	
7		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2	1	1	
8		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	1	1	
9		Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	1	1	
8.2.4. Thực tập, viết khóa luận, học môn thay thế khóa luận			10	0		
1		Thực tập chuyên môn cuối khóa (áp dụng bắt buộc đối với mọi sinh viên)	4	0	4	
2		Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	
3		Sinh viên không được làm Khoa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng làm Khoa luận tốt nghiệp thì đăng ký học và thi các môn sau đây:				
		Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	2	0	
		Luật thi hành án dân sự	2	2	0	
		Pháp luật về trọng tài thương mại	2	2	0	
Tổng cộng			135			

Ghi chú: (*) Số tín chỉ không tính vào chương trình

Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

HỌC KỲ I

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị
----	--------------	------------	--------

Học phần tự chọn (chọn 2 TC trong 6 TC)		2	2	0	
1	Logic học đại cương	2	2	0	
2	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	
3	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	
Tổng		17	17	0	

HỌC KỲ III

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
Học phần bắt buộc		14	14	0	
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
2	Luật hiến pháp	3	3	0	
3	Luật dân sự 1	3	3	0	
4	Luật hành chính	3	3	0	
5	Luật hình sự 1	3	3	0	
6	*Giáo dục thể chất 3	1	0	1	
Học phần tự chọn		4	4	0	
1	Lịch sử nhà nước và pháp luật*	2	2	0	
2	Tâm lý học tư pháp	2	2	0	
Tổng (chưa bao gồm GDTC)		18	18	0	

HỌC KỲ IV

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
Học phần bắt buộc		14	12	0	

1	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)	3	3	0
2	Luật dân sự	3	3	0
3	Luật hình sự 2	3	3	0
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	3	0
5	Luật tố tụng hành chính	2	2	0
Học phần tự chọn (Chọn 6 TC trong 8 TC)		6	6	0
1	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0
2	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0
3	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	2	0
4	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo	2	2	0
5	Tư pháp đối với người chưa thành niên	2	2	0
Tổng		20	20	0

HỌC KỲ V

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
Học phần bắt buộc		11	11	0	
1	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)	3	3	0	
2	Luật đất đai	3	3	0	
3	Công pháp quốc tế	3	3	0	
4	Luật hôn nhân và gia đình	2	2	0	
Học phần tự chọn (chọn 6 TC trong số 8 TC)		6	6	0	
1	Luật học so sánh	2	2	0	
2	Luật ngân hàng	2	2	0	

3	Công chứng và chứng thực	2	2	0	
4	Tội phạm học	2	2	0	
	Tổng	17	17	0	

HỌC KỲ VI

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
	Học phần bắt buộc	12	12	0	
1	Luật tố tụng hình sự	3	3	0	
2	Luật tố tụng dân sự	3	3	0	
3	Tư pháp quốc tế	3	3	0	
4	Luật lao động	3	3	0	
	Học phần tự chọn (chọn 6 TC trong số 12 TC)	6	5	1	
1	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	1	1	
2	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2	1	1	
3	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	2	1	1	
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	2	1	1	
5	Luật an sinh xã hội	2	2	0	
6	Luật chứng khoán	2	2	0	
	Tổng	18	17	1	

HỌC KỲ VII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	

Học phần bắt buộc	8	0	0
1 Luật cạnh tranh	2	2	0
2 Luật tài chính	3	3	0
3 Luật môi trường	3	3	0
Học phần tự chọn 10 TC (chọn 10 TC trong 14 TC)	10	7	3
1 Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	1	1
2 Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	1	1
3 Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2	1	1
4 Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	1	1
5 Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	1	1
6 Pháp luật về điều ước quốc tế	2	2	0
7 Pháp luật về quyền con người	2	2	0
8 Luật hàng hải quốc tế	2	2	0
Tổng	18	15	3

HỌC KỲ VIII

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Đơn vị thực hiện
		Tổng số	LT	TH	
Học phần bắt buộc		7	4	3	
1	Luật thương mại quốc tế	3	3	0	
2	Thực tập tốt nghiệp (Luật)	4	0	4	
Học phần tự chọn		6			
1	Khóa luận tốt nghiệp (Luật)	6	0	6	
2	Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận hoặc không có nguyện vọng làm khóa luận tốt nghiệp thì đăng ký học và thi các môn sau đây:				

Pháp luật về trọng tài thương mại	2	2	0	
Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	2	0	
Thi hành án dân sự	2	2	0	
Tổng	15			

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Trường và lưu tại văn phòng Khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo.

- Phân công giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan đến học phần) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, khóa luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

9.3. Đối với sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

Chủ động, tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

9.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập.

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản; Phòng thực hành pháp luật phục vụ cho việc tổ chức các phiên tòa giả định, tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề về pháp luật; Trung tâm tư vấn pháp luật phục vụ cho sinh viên thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật.



NGND.GS-TS. Võ Tòng Xuân

P. PHÒNG ĐÀO TẠO

Lý Mến Tẹn

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Chí Dũng

